KINH NGHIỆM PHÁP LUẬT NHẬT BẢN VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC

● BÙI VIỆT ANH

TÓM TẮT:

Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2018. Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về bản chất là trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Pháp luật về Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (TNBTCNN) ở Việt Nam có sự hình thành từ rất sớm, tuy nhiên, trải qua nhiều lần hoàn thiện và phát triển, cho đến nay, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước vẫn cần phải tiếp tục cập nhật và chỉnh sửa sao cho phù hợp với thực tiễn xã hội. Bài viết phân tích một số nội dung chính của Luật Bồi thường nhà nước Nhật Bản, nhằm mục đích cho độc giả những tư liệu tham khảo mới về pháp luật bồi thường.

Từ khóa: pháp luật, Nhật Bản, trách nhiệm bồi thường, Nhà nước.

1. Đặt vấn đề

Nhật Bản là một trong những quốc gia có Luật TNBTCNN từ rất sớm. Thực tiễn thi hành, luật này ở Nhật Bản cũng rất phong phú và đa dạng. Ở Việt Nam, lần đầu tiên, TNBTCNN được quy định đầy đủ, toàn diện và chi tiết tại Luật TNBTCNN năm 2009. Luật này sau đó được thay thế bằng Luật TNBTCNN năm 2017. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tiến hành các bước sơ kết 5 năm thi hành Luật TNBTCNN năm 2017, qua đó, đánh giá, nhận diện những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn và đề xuất sửa đổi, bổ sung. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi giới thiệu một số nội dung cơ bản về kinh nghiệm pháp luật Nhật Bản về TNBTCNN, nhằm cung cấp thông tin pháp luật phục vụ cho việc nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật TNBTCNN năm 2017.

2. Khái quát chung về Luật Bồi thường nhà nước của Nhật Bản

Trước chiến tranh thế giới thứ hai, ở Nhật Bản không tồn tại hệ thống về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; do đó, các cá nhân, tổ chức không có quyền khởi kiện yêu cầu Nhà nước bồi thường cho những thiệt hại gây ra bởi hoạt động công quyền. Như vậy, để có thể yêu cầu bồi thường, các cá nhân, tổ chức phải khởi kiện theo pháp luật tư đối với các công chức nhà nước khi hành vi vi phạm pháp luật của công chức nhà nước được nhìn nhận đơn thuần là hành vi của cá nhân[1].

Năm 1945, Nhật Bản ban hành bản Hiến pháp mới, trong đó, có quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước. Trên cơ sở quy định tại Điều 17 của Hiến pháp, Luật Bồi thường nhà nước (Luật BTNN) được xây dựng ngày 27/10/1947, Nhật Bản đã ban hành Luật BTNN và Luật này có hiệu lực ngay.

Khác với các Luật của một số nước, kết cấu bố cục của Luật BTNN Nhật Bản không chia thành các Chương mà chỉ có quy định 6 Điều, quy định về những vấn đề cụ thể sau đây: (1) Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường nhà nước, trách nhiệm bồi hoàn của nhà nước khi xảy ra thiệt hại do việc thực hiện quyền lực nhà nước gây ra; (2) Trách nhiệm bồi thường trong trường hợp thiệt hại xảy ra khi có thiếu sót trong quá trình lắp đặt và quản lý công trình công cộng; (3) Quyền yêu cầu hoàn trả; trách nhiệm cụ thể của cá nhân trong việc gây ra thiệt hại khi có thiếu sót trong quá trình lắp đặt và quản lý công trình công cộng; (4) Áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự trong việc giải quyết bồi thường; áp dụng quy định của các đạo luật có liên quan đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; (5) Đối tượng được bồi thường là người nước ngoài.

Về cơ bản, Luật BTNN Nhật Bản chỉ quy định theo hướng "một chiều", theo đó, chỉ quy định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với tổ chức, cá nhân người bị thiệt hại mà không quy định quyền yêu cầu bồi thường của Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân gây ra thiệt hại cho Nhà nước. Đồng thời, Luật cũng quy định cụ thể việc bồi thường đối với hành vi thi hành công vụ của công chức, việc bồi thường thiệt hại do hành vi thi hành công vụ của công chức gây ra.

3. Một số nội dung chính của Luật BTNN Nhật Bản

3.1. Về bản chất pháp lý của quan hệ pháp luật về TNBTCNN

Luật BTNN Nhật Bản coi quan hệ pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước là một quan hệ pháp luật dân sự, theo đó, quan hệ pháp luật này có đặc điểm tương đồng với điều kiện pháp lý phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mà Bộ luật Dân sự quy định. Bên cạnh đó, điều này còn gián tiếp thể hiện qua việc Luật BTNN Nhật Bản có quy định dẫn chiếu áp dụng các quy định có liên quan của Bộ luật Dân sự.

3.2. Phạm vi TNBTCNN

Luật BTNN Nhật Bản không quy định liệt kê cụ thể các trường hợp được bồi thường, mà chỉ quy định các điều kiện chung, mang tính chất định tính, và trong trường hợp có hành vi thi hành công vụ gây ra thiệt hại mà hội đủ các điều kiện thì TNBTCNN sẽ phát sinh (Điều 1).

Có 2 loại thiệt hại được bồi thường: *Thứ nhất,* các loại thiệt hại được quy định trong Bộ luật Dân sự tại phần các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; *Thứ hai,* các loại thiệt hại được xác định trong đạo luật riêng nếu có[2].

Với quy định như trên, theo nhiều chuyên gia pháp lý Nhật Bản đã từng làm việc tại Việt Nam thì được hiểu là Luật BTNN Nhật Bản không giới hạn phạm vi TNBTCNN. Một trường hợp gây ra thiệt hại mà hội đủ các điều kiện nêu trên thì TNBTCNN sẽ phát sinh. Bên cạnh đó, Luật BTNN Nhật Bản chỉ quy định trách nhiệm bồi thường của nhà nước đối với thiệt hại do hành vi thi hành công vụ gây ra. Tuy nhiên trên thực tiễn, án lệ Nhật Bản đã có sự mở rộng phạm vi trách nhiệm bồi thường của nhà nước đối với một số hành vi không phải là hành vi công vụ, ví dụ như hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập. Một trong những án lệ điển hình là án lệ liên quan đến việc gây thiệt hại của cơ sở giáo dục công lập: có một vụ việc cụ thể là các học sinh đang học tập tại một trường trung học cơ sở tại Tokyo, trong một giờ tập thể dục với bộ môn ném lao đã ném trúng đầu một người (khi đó 14 tuổi) đi ngang qua đó. Hậu quả là người đó bị thương rất nặng. Tuy nhiên, vấn đề nằm chỗ là giáo viên thể dục đã không có mặt tại sân khi tai nạn xảy ra. Trong vụ việc nêu trên, Tòa án Nhật Bản đã ra phán quyết và xác định đây là một trường hợp mà Nhà nước phải bồi thường.

3.3. Các điều kiện phát sinh TNBTCNN

Do Luật BTNN của Nhật Bản coi quan hệ pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước là một quan hệ pháp luật dân sự nên luật đã quy định các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước bao gồm:

(1) Hành vi gây thiệt hại;

(2) Hành vi gây thiệt hại được thực hiện trong quá trình thi hành công vụ;

(3) Có thiệt hại thực tế xảy ra;

(4) Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại và thiệt hại xảy ra;

(5) Công chức có lỗi cố ý hoặc bất cẩn trong việc gây ra thiệt hại.

Như vậy, khác với một số nước, Luật BTNN Nhật Bản có quy định lỗi là yếu tố bắt buộc khi xác định TNBTCNN.

3.4. Về quyền yêu cầu bồi thường

Khác với quy định của pháp luật của một số nước, việc giải quyết bồi thường, trước hết phải được giải quyết tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường, thông thường cơ quan này là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại, rồi sau đó người bị thiệt hại mới tiếp tục có quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết bồi thường theo thủ tục tố tụng. Luật BTNN Nhật Bản quy định người bị thiệt hại có quyền khởi kiện ngay ra Tòa án để yêu cầu Nhà nước bồi thường thủ tục giải quyết bồi thường tại Tòa án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

3.5. Về đối tượng được bồi thường

Quy định của một số nước đối tượng được bồi thường là bất kỳ cá nhân, tổ chức bị cơ quan nhà nước, nhân viên cơ quan nhà nước xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của mình. Như vậy, pháp luật của một số nước không hạn chế về đối tượng được bồi thường, theo đó bất kỳ là cá nhân, tổ chức nào bị thiệt hại thì được Nhà nước bồi thường, miễn là trường hợp họ bị thiệt hại phải đáp ứng yêu cầu về bồi thường. Luật BTNN của Nhật Bản có quy định về đối tượng yêu cầu bồi thường là người bị thiệt hại, người nước ngoài, theo đó, người nước ngoài là người bị chịu thiệt hại sẽ được áp dụng chỉ trong những trường hợp có sự bảo đảm nguyên tắc có đi có lại (Điều 5). Quy định trên có thể được hiểu rằng, pháp luật của Nhật Bản sẽ áp dụng đối với người nước ngoài là người bị thiệt hại, khi quốc gia mà người nước ngoài đó mang quốc tịch cũng có quy định về trách nhiệm của công dân nước ngoài trong điều kiện tương tự.

3.6. Về khái niệm "người thi hành công vụ"

Thông thường, theo pháp luật của một số nước, công chức được hiểu là người thi hành công vụ. Tuy nhiên, theo Luật BTNN của Nhật Bản không quy định công chức là người thi hành công vụ mà quy định "ai là người thực hiện hành vi công vụ thì người đó được coi là người thi hành công vụ". Theo một số chuyên gia pháp lý Nhật Bản, người thi hành công vụ được hiểu theo một phạm vi rất rộng. Theo đó, bất kỳ ai dù là công chức hay không phải công chức, nhưng người đó chỉ cần đang thực hiện nhiệm vụ công vụ mà Nhà nước phân công thì được hiểu là người thi hành công vụ. Ví dụ: một bác sỹ hành nghề tư nhân, nhưng nếu bác sỹ này tham gia vào Chương trình tiêm chủng quốc gia do Nhà nước tổ chức, thì khi đó, bác sỹ này được coi là người thi hành công vụ nếu ông ta đang thực hiện các nhiệm vụ theo Chương trình này phân công. Như vậy, khái niệm người thi hành công vụ theo Luật BTNN Nhật Bản được tiếp cận từ khái niệm chủ thể thực hiện hành vi công vụ, chứ không hiểu thông thường như pháp luật về công chức. Quy định như vậy bao quát được mọi trường hợp trong thực tiễn và ở góc độ người bị thiệt hại sẽ thấy quyền lợi của người bị thiệt hại được bảo đảm ở phạm vi rộng nhất. Tóm lại, theo quy định của pháp luật Nhật Bản, người thi hành công vụ có thể được hiểu là bất kỳ cá nhân nào nhưng với điều kiện phải được Nhà nước giao thực thi công vụ trên thực tiễn.

3.7. Thủ tục giải quyết bồi thường

Như đã đề cập ở trên (mục 4 - Quyền yêu cầu bồi thường), pháp luật Nhật Bản quy định người bị

thiệt hại có quyền khởi kiện ngay ra Tòa án để yêu cầu giải quyết bồi thường. Thủ tục giải quyết bồi thường được áp dụng thủ tục tố tụng dân sự, cụ thể bao gồm các bước sau đây:

(1) Nộp đơn khởi kiện;

(2) Thẩm định đơn khởi kiện;

(3) Tống đạt đơn khởi kiện;

(4) Chỉ định và triệu tập phiên tòa tranh luận bằng lời;

(5) Nộp đơn phản biện;

(6) Phiên tòa tranh luận bằng lời thứ nhất;

(7) Sắp xếp các luận điểm ;

(8) Phiên tòa xem xét chứng cứ;

(9) Phiên tranh luận bằng lời cuối cùng;

(10) Tuyên án.

Về cơ quan đại diện Nhà nước khi tham gia các vụ kiện yêu cầu bồi thường: Nhìn chung, trình tự tố tụng bồi thường nhà nước chính là trình tự tố tụng theo tố tụng dân sự thông thường, chỉ có điểm khác biệt là bên bị đơn luôn là Bộ Tư pháp - đại diện cho Nhà nước trong vụ việc.

Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án có thẩm quyền thụ lý vụ án là Tòa án cấp tỉnh (ở cấp sơ thẩm), nếu mức yêu cầu bồi thường dưới 1,4 triệu Yên thì nộp đơn tại Tòa giản lược (hay Tòa đơn giản). Còn nếu trên 1,4 triệu yên thì yêu cầu bồi thường nộp tại Tòa án cấp tỉnh. Trường hợp nếu vụ việc dù dưới 1,4 triệu Yên nhưng có tính chất phức tạp thì nếu trước đó, yêu cầu bồi thường được gửi tới Tòa đơn giản, sau đó Tòa đơn giản sẽ chuyển đơn cho Tòa án cấp tỉnh. Án phí tương ứng với mức bồi thường theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nhìn chung, thời gian để giải quyết một vụ việc bồi thường nhà nước ở Nhật Bản là rất lâu. Trung bình, tính từ lúc nộp đơn khởi kiện cho đến lúc ra Phiên tòa xem xét chứng cứ mất từ 1-2 năm. Giống như tố tụng dân sự thông thường việc hòa giải có thể tiến hành bất kỳ lúc nào.

3.8. Cơ quan bồi thường nhà nước

Luật BTNN Nhật Bản quy định chủ thể có trách nhiệm bồi thường bao gồm: nhà nước và cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, theo quy định của luật về trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong các vụ việc liên quan đến trách nhiệm của Nhà nước thì Bộ Tư pháp là cơ quan được giao trách nhiệm này. Theo đó, cơ quan Bộ Tư pháp có vai trò xem xét yêu cầu bồi thường có thực sự đúng, hướng dẫn cơ quan quản lý chủ động giải quyết, cụ thể.

Trong vụ án về bồi thường nhà nước, chỉ những vụ việc kiện Nhà nước trung ương mới thực hiện theo Luật Bồi thường nhà nước và khi đó Bộ Tư pháp mới đại diện Nhà nước tham gia tố tụng. Còn nếu là vụ kiện của chính quyền địa phương, chính quyền địa phương sẽ tự mình cử đại diện tham gia tố tụng. Tuy nhiên, có thể ngoại lệ đối với những việc mà chính quyền địa phương thực hiện trên cơ sở ủy quyền của Nhà nước trung ương thì nếu chính quyền địa phương bị kiện, trong một số trường hợp Bộ Tư pháp cũng sẽ tham gia tố tụng.

Tại Nhật Bản, các vụ kiện yêu cầu bồi thường nhà nước được coi là vụ kiện dân sự và được nhìn nhận là vụ việc phức tạp, được thực hiện theo thủ tục tố tụng dân sự thông thường. Trong vụ kiện tại Tòa án, Nhà nước sẽ là bị đơn trong vụ kiện và Bộ trưởng Bộ Tư pháp là người đại diện cho Nhà nước để tham gia tố tụng.

3.9. Thiệt hại được bồi thường

Luật BTNN Nhật Bản quy định trường hợp có thiệt hại và hội đủ điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường nhà nước thì Nhà nước phải bồi thường, đồng thời có dẫn chiếu các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường nhà nước theo Bộ luật Dân sự để áp dụng giải quyết bồi thường (Điều 4). Ngoài ra, vận dụng các đạo luật khác có liên quan trong quá trình xác định thiệt hại (Điều 5), cụ thể các loại thiệt hại được xác định như sau:

3.9.1. Thiệt hại được xác định theo quy định của Bộ luật Dân sự

Các loại thiệt hại được dẫn chiếu theo quy định của Bộ luật Dân sự, được áp dụng, vận dụng tại phần các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

3.9.2. Thiệt hại được xác định theo quy định tại các đạo luật

Các loại thiệt hại được dẫn chiếu theo quy định của Bộ luật Dân sự hiện có các loại thiệt hại được dẫn chiếu theo quy định của Luật chuyên ngành. Theo đó các loại thiệt hại sẽ được áp dụng theo từng đạo luật riêng, nếu đạo luật có quy định như Luật Đền bù hình sự (ĐBHS) của Nhật Bản quy định mức bồi thường cụ thể: Mức bồi thường hình sự đối với việc bị bắt, giam giữ, tù khổ sai, tù cầm cố, tiền bồi thường sẽ tương ứng với số ngày bị bắt, giam giữ theo mức từ 1.000 Yên đến không quá 12.500 Yên/ngày. Mức bồi thường đối với án tử hình sai là 30 triệu Yên, trường hợp chứng minh được tổn thất về mặt tài sản phát sinh do cái chết của đương sự, tiền bồi thường được tính trong phạm vi bị tổn thất của đương sự cộng với 30 triệu Yên. Đồng thời, Luật ĐBHS của Nhật Bản cũng quy định bồi thường đối với án phạt tiền hoặc phạt tiền mức nhẹ, bồi thường đối với tài sản bị tịch thu.

Trong mối quan hệ với Luật BTNN của Nhật Bản, Luật ĐBHS sẽ áp dụng đối với một người bất kỳ được nhận một khoản tiền bồi thường từ việc yêu cầu đền bù thiệt hại theo các quy định của Luật BTNN và các đạo luật khác. Nếu người được quyền nhận bồi thường thiệt hại hình sự đã được bồi thường thiệt hại về cùng một lý do theo quy định của các đạo luật khác, thì không được bồi thường thiệt hại hình sự nếu khoản bồi thường thiệt hại đã nhận đó là bằng với hoặc vượt quá khoản bồi thường thiệt hại hình sự sẽ được trả theo Luật này. Trường hợp khoản bồi thường thiệt hại đã nhận ít hơn khoản bồi thường thiệt hại hình sự sẽ được trả theo Luật này, khoản bồi thường thiệt hại hình sự sẽ được xác định bằng cách trừ đi khoản bồi thường thiệt hại đã nhận. Nếu người được quyền nhận bồi thường theo các luật khác đã được bồi thường thiệt hại hình sự phù hợp với Luật này về cùng một lý do, tòa án sẽ ấn định tổng số bồi thường thiệt hại bằng cách trừ khi khoản bồi thường thiệt hại hình sự đã nhận (Điều 5 Luật ĐBHS).

Bên cạnh đó, thiệt hại được xác định theo án lệ của cơ quan tòa án, chẳng hạn án lệ liên quan đến việc không ban hành Luật của Quốc hội dẫn đến không bảo đảm quyền bầu cử cho người dân. Ở Nhật Bản có một vụ việc yêu cầu bồi thường do đã không ban hành Luật mới về bầu cử, trong đó tạo điều kiện cho những công dân Nhật Bản sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Trong trường hợp này, ý kiến được ủng hộ cho rằng, về mặt hiến định, Hiến pháp đã quy định quyền cho người dân nhưng Quốc hội lại không ban hành Luật để bảo đảm quyền đó. Chính vì vậy, Tòa án tối cao đã ra một bản án cho rằng Nhà nước mà cụ thể là Quốc hội đã chểnh mảng trong việc làm luật. Trong vụ việc này, việc bồi thường đã được tuyên trong bản án và thiệt hại được bồi thường là tổn thất về tinh thần với mức bồi thường chỉ mang tính chất tượng trưng là 5.000 Yên.

3.10. Kinh phí bồi thường và thủ tục chi trả

Về nguyên tắc, nguồn kinh phí lấy từ từng cơ quan, theo đó nguồn kinh phí lấy từ ngân sách dự phòng, do Bộ Tài chính cấp trực tiếp cho người bị thiệt hại. Cụ thể như sau:

Ở Nhật Bản, kinh phí bồi thường là một khoản được dự toán trong ngân sách nhà nước, tuy nhiên, có sự phân công, phân cấp rõ ràng. Trong trường hợp công chức của địa phương gây thiệt hại thì kinh phí bồi thường được lấy từ ngân sách của địa phương; trường hợp công chức của Trung ương gây thiệt hại thì kinh phí bồi thường được lấy từ ngân sách Trung ương.

Về thủ tục chi trả, khi có phán quyết của Tòa án buộc Nhà nước phải bồi thường thì cơ quan quản lý công chức gây thiệt hại phải bỏ kinh phí của mình ra để bồi thường cho người bị thiệt hại. Đối với việc bồi thường trong lĩnh vực hình sự, trong bản án của Tòa án khi tuyên một người vô tội, Tòa án sẽ đồng thời tuyên luôn mức bồi thường cho người bị thiệt hại.

3.11. Trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ

Tương ứng với 2 trường hợp được Nhà nước bồi

thường, thì Luật BTNN Nhật Bản cũng quy định trách nhiệm hoàn trả trong 2 trường hợp, cụ thể như sau:

(1) Đối với hành vi thi hành công vụ;

(2) Đối với thiệt hại do thiếu sót.

Như vậy, theo Luật BTNN Nhật Bản, công chức phải hoàn trả trong trong trường hợp xảy ra lỗi cố ý hoặc đã phạm tội sơ suất nghiêm trọng dẫn đến thiệt hại. Đồng thời, Luật BTNN Nhật Bản quy định hoàn trả là quyền yêu cầu của Nhà nước, không phải là nghĩa vụ tự thân của công chức. Cụ thể, trách nhiệm hoàn trả đối với trường hợp công chức chịu trách nhiệm trong việc lắp đặt và quản lý tài sản công mà gây ra thiệt hại như quy định thì Nhà nước hoặc cơ quan nhà nước có quyền yêu cầu người đó hoàn trả. Hoặc, trường hợp Nhà nước hoặc một cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm bồi thường, một người chịu trách nhiệm về việc tuyển dụng, giám sát công chức hoặc chịu trách nhiệm đối với việc lắp đặt hoặc quản lý các tài sản công mà người đó không đồng thời là người trả lương, phụ cấp và các khoản chi phí khác cho công chức hoặc không đồng thời là người chịu chi phí lắp đặt hoặc quản lý các tài sản công, thì người phải gánh chịu các chi phí nêu trên cũng phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Như vậy, trách nhiệm bồi hoàn hay hoàn trả của công chức theo quy định của pháp luật Nhật Bản rất linh hoạt có tính đến yếu tố tiêu cực - mặt trái của chế định pháp luật này; theo đó, công chức chỉ phải hoàn trả khi gây thiệt hại mà có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý nhưng gây thiệt hại nghiêm trọng. Tuy nhiên, trên thực tiễn áp dụng pháp luật bồi thường nhà nước Nhật Bản từ năm 1947 cho đến nay có rất ít trường hợp công chức Nhật Bản phải thực hiện trách nhiệm hoàn trả lại cho Nhà nước, mà việc xử lý công chức đó như thế nào sẽ phụ thuộc vào các hình thức xử lý mà pháp luật về công chức của Nhật Bản quy định.

4. Kết luận

Nhìn chung, luật BTNN của Nhật Bản mặc dù đã được xây dựng từ khá lâu trước đây nhưng những quy định hầu hết vẫn rất phù hợp để áp dụng trong thời buổi xã hội phát triển hiện nay. Qua bài viết này, tác giả mong muốn chia sẻ những kinh nghiệm từ cả nghiên cứu lẫn thực tiễn về vấn đề trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, như một tư liệu nhằm giúp độc giả nghiên cứu và tham khảo, phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển nền tư pháp nước nha ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

[1]Lê Thái Phương (2020). Kinh nghiệm pháp luật Nhật Bản về trách nhiệm bồi thường nhà nước. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật,* Hà Nội, tr.20.

[2]Phạm Văn Dũng (2008). Pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước ở Nhật Bản. Truy cập tại: *https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=687.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lê Thái Phương (2020). Kinh nghiệm pháp luật Nhật Bản về trách nhiệm bồi thường nhà nước. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật,* Hà Nội, tr.20.

2. Phạm Văn Dũng (2008). Pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước ở Nhật Bản. Truy cập tại: *https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=687.*

3. Bộ Tư pháp. Luật Bồi thường Nhà nước Nhật Bản (Luật số 125,27/10/1947). Tài liệu dịch.

Ngày nhận bài: 7/6/2022
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 7/7/2022
Ngày chấp nhận đăng bài: 17/7/2022

Thông tin tác giả:
BÙI VIỆT ANH
Công ty Luật TNHH Sao Thủ Đô

LEGAL EXPERIENCES OF JAPAN IN DEVELOPING THE LAW ON STATE COMPENSATION LIABILITY

● **BUI VIET ANH**
Sao Thu Do Law Firm

ABSTRACT:

The 2017 Law on State Compensation Liability took effect on July 1, 2018. The State's compensation liability is a civil compensation liability for damages outside the contract. Vietnam's Law on State Compensation Liability has been developed for a long time with many improvements. However, it is still essential for the law to be continuously amended and supplemented to strengthen its effectiveness. This paper analyzes some main contents of the Law on State Compensation Liability of Japan in order to provide new references for the development of Vietnam's law.

Keywords: law, Japan, compensation liability, the State.